

**BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG  
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Quảng Xương.

Căn cứ Quyết định số 484/2017/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về phân công, phân cấp, ủy quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau:

1. Gói thầu số 7: Đê, kè từ K0 ÷ K1+367 (gồm xây dựng đê, kè, sửa chữa cống đồng Hộ, cống Đồng Dung, nhà canh đê, hoàn trả đường thi công và lệ phí tài nguyên môi trường) dự án đê, kè bờ tả sông Yên thuộc địa phận 3 xã Quảng Trung, Quảng Chính, Quảng Thạch huyện Quảng Xương.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương.

3. Tên và số điện thoại liên lạc của cá nhân phụ trách trực tiếp:

Ông Phạm Hồng Sơn, Phó trưởng phòng Điều hành dự án 2 - Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa.

Số điện thoại: 0946.333.388

4. Quy mô công trình xây dựng:

4.1. Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

TT	Thông số	Đơn vị	Trị số
1	Đoạn tuyến K0 ÷ K1+367	m	1353,3
2	Chiều rộng mặt đê thiết kế	m	5,0
3	Cao trình đỉnh đê/ đỉnh kè	m	(+3.60)/(+3.80)
4	Cao trình đỉnh tường chắn sóng:	m	(+4.60)
5	Cao trình đỉnh ống buy	m	(-0.50)
6	Hệ số mái		

-	Mái phía sông		m = 3
-	Mái phía đồng		m = 2

#### 4.2. Các giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

##### - Tuyên đê, kè:

Thân đê đắp bằng đất núi đầm chặt  $K \geq 0,95$ , mái đê phía đồng trồng cỏ chống xói lở; mép đê phía sông bố trí tường chắn sóng bằng bê tông cốt thép (BTCT), mặt đê gia cố bằng cấp phối đá dăm (CPĐĐ) loại 2 dày 15 cm.

Mái kè phía sông lát bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn kích thước (40x40x16) cm trong các khung dầm BTCT được tạo bởi các dầm ngang và dọc mái kè, phía dưới là lớp đá (1x2) cm dày 10 cm và lớp vải địa kỹ thuật ART-15.

Chân kè gia cố bằng một hàng ống buy bê tông đúc sẵn M200 có đường kính ngoài D100 cm (dày 10 cm, dài 100 cm) xếp liền nhau, bên trong ống thả đá học xếp chèn chặt, giữa các ống chèn bằng các thanh bê tông đúc sẵn và đổ bù bằng bê tông thường; phía ngoài ống gia cố bằng lăng thể đá học xếp chèn chặt.

Cửa khẩu cắt ngang qua tường chắn sóng tại 3 vị trí (K0+436, K0+667, K1+026) từ mặt đê xuống các đầm nuôi: Chiều rộng khẩu B = 2,80 m, đóng bằng tám phai BTCT đúc sẵn.

Các bộ phận bằng bê tông thường và BTCT từ mực nước triều (+1.94) m trở xuống được sử dụng phụ gia chống xâm thực Zecagi-XB.

##### - Công trình trên tuyến:

+ Nhà canh đê tại K1+325 xã Quảng Trung: Nhà cấp IV, diện tích 45 m<sup>2</sup>;

+ Xây dựng mới cống Đồng Dung tại K1+296: Cống hộp khẩu diện (BxH) = (1,6x2,5) m, cao độ đáy (-0.50) m, kết cấu bằng BTCT, cầu công tác bố trí phía sông, điều tiết cửa van phẳng composite, đóng mở bằng thủ công, ổ khóa V5;

+ Sửa chữa nôi dài cống Đồng Hộ về phía sông tại K0+676: Thân cống phân nôi dài có khẩu diện (BxH) = (1,45x2,75) m, cao độ đáy (-1.20) m, kết cấu bằng BTCT, cầu công tác bố trí phía sông, điều tiết cửa van phẳng composite, đóng mở bằng thủ công, ổ khóa V5;

+ Các phần việc còn lại không thi công: Gia cố bê tông thường M250 mặt đê dày 20 cm; 2 khung không chế tải trọng (tại K0+006 và K1+340); đoạn chuyển tiếp cuối tuyến giáp Quốc lộ 1A từ C32+3 - C33+6,6 dài 26 m (bao gồm cả phần kè lát mái và tường chắn sóng).

#### 5. Danh sách các nhà thầu:

- Nhà thầu khảo sát, thiết kế: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi

Thanh Hóa.

- Nhà thầu thi công: Liên danh Công ty cổ phần xây dựng Tiến Đạt - Công ty cổ phần xây dựng nông nghiệp Thanh Hóa - Công ty TNHH Hùng Dũng.

- Giám sát thi công xây dựng: Phòng Điều hành dự án 2 - Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa.

6. Ngày khởi công và ngày hoàn thành:

- Ngày khởi công: 07/09/2015;

- Ngày hoàn thành: 31/12/2019.

7. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện:

TT	Công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Số cấu kiện đúc sẵn (0,4x0,4x0,16) m	CK	79.857
2	Bê tông cốt thép M250	m <sup>3</sup>	1.113,21
3	Bê tông thường M250	m <sup>3</sup>	4.005,84
4	Bê tông thường M200	m <sup>3</sup>	421,03
5	Số ống buy	ống	1.092,00
6	Số thanh chèn ống buy	CK	1.091,00
7	Vải lọc ATR15	m <sup>2</sup>	16.296,35
8	Ván khuôn thép	m <sup>2</sup>	39.584,66
9	Thép tròn	Kg	73.014,63
10	Đá hộc lát mặt	m <sup>3</sup>	823,56
11	Đá hộc xếp chèn chặt	m <sup>3</sup>	2.525,28
12	Đất đắp các loại	m <sup>3</sup>	28.570,77
13	Đất đào các loại	m <sup>3</sup>	1.974,45
14	Trồng cỏ	m <sup>2</sup>	6.141,28
15	Phụ gia Zecagi-XB	kg	13.882,34

8. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế:

Đảm bảo yêu cầu của hồ sơ thiết kế được duyệt và chỉ đạo của UBND tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 6493/UBND-NN ngày 22/5/ 2020.

9. Báo cáo về việc đủ điều kiện để đưa công trình xây dựng vào sử dụng:

Công trình đã thi công hoàn thành, các công việc xây dựng đã được nghiệm thu, đủ điều kiện để đưa công trình vào sử dụng.

10. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng (có Phụ lục kèm theo).

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Quảng Xương tổ chức kiểm tra công trình xây dựng theo thẩm quyền./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT (để cung cấp hồ sơ);
- Lưu: VT, QLXDCT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đặng Tiên Dũng**

## PHỤ LỤC

### DANH MỤC HỒ SƠ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH

Gói thầu số 7: Đê, kè từ K0 ÷ K1+367 (gồm xây dựng đê, kè, sửa chữa cống đồng Hộ, cống Đồng Dung, nhà canh đê, hoàn trả đường thi công và lệ phí tài nguyên môi trường) dự án đê, kè bờ tả sông Yên thuộc địa phận 3 xã Quảng Trung, Quảng Chính, Quảng Thạch huyện Quảng Xương

<b>I.</b>	<b>HỒ SƠ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ HỢP ĐỒNG</b>
1	<p>Quyết định về chủ trương đầu tư kèm theo báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 12/02/2009 Của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tu bổ, khôi phục và nâng cấp tuyến đê biển, đê cửa sông thuộc các huyện Quảng Xương, Hoằng Hóa và tỉnh Gia tỉnh Thanh Hóa;</li> </ul>
2	<p>Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc dự án thành phần của cấp có thẩm quyền kèm theo báo cáo nghiên cứu khả thi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 2613/QĐ-UBND ngày 07/08/2009 Của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Dự án đê, kè bờ tả sông Yên thuộc địa phận 3 xã Quảng Trung, Quảng Chính, Quảng Thạch huyện Quảng Xương.</li> </ul>
3	<p>Nhiệm vụ thiết kế, các văn bản thẩm định, tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn số 1276/SKHĐT-TĐ ngày 30/07/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa Về việc báo cáo kết quả thẩm định Dự án đê, kè bờ tả sông Yên thuộc địa phận 3 xã Quảng Trung, Quảng Chính, Quảng Thạch huyện Quảng Xương;</li> <li>- Công văn số 3069/BNN-ĐĐ ngày 02/06/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Dự án đê, kè bờ tả sông Yên thuộc địa phận 3 xã Quảng Trung, Quảng Chính, Quảng Thạch huyện Quảng Xương;</li> </ul>
4	<p>Phương án đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng tái định cư (nếu có).            Các quyết định của UBND huyện Quảng Xương: số 3658/QĐ-UBND ngày 29/10/2015; số 3677/QĐ-UBND ngày 29/10/2015.</p>
5	<p>Văn bản của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: thỏa thuận quy hoạch, thỏa thuận hoặc chấp thuận sử dụng hoặc đấu nối với công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào; đánh giá tác động môi trường, đảm bảo an toàn (an toàn giao thông, an toàn cho các công trình lân cận) và các văn bản khác có liên quan.</p>

6	Quyết định cấp đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất.
7	Giấy phép xây dựng, trừ những trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.
8	<p>Quyết định chỉ định thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu và các hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 494/QĐ-ĐĐ ngày 20/08/2015 của Chi cục trưởng Chi cục Đề điều và PCLB Thanh Hóa về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 7.</li> <li>- Hợp đồng số 02/HĐXD-CTĐĐ/2015 ngày 06/09/2015 và các hợp đồng điều chỉnh ngày 16/9/2016 giữa Chi cục Đề điều và PCLB Thanh Hóa và Liên danh Công ty cổ phần xây dựng Tiến Đạt – Công ty cổ phần xây dựng Nông Nghiệp Thanh Hóa – Công ty TNHH Hùng Dũng;</li> <li>- Hợp đồng điều chỉnh ngày 09/9/2017 giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Thanh Hóa và Liên danh Công ty cổ phần xây dựng Tiến Đạt – Công ty cổ phần xây dựng Nông Nghiệp Thanh Hóa – Công ty TNHH Hùng Dũng.</li> </ul>
9	Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của các nhà thầu theo quy định.
10	Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.
<b>II.</b>	<b>HỒ SƠ KHẢO SÁT XÂY DỰNG, THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH</b>
1	<p>Nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát, báo cáo khảo sát xây dựng công trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 133/QĐ-ĐĐ ngày 24/03/2015 của Chi cục trưởng Chi cục Đề điều và PCLB Thanh Hóa về việc Phê duyệt bổ sung nhiệm vụ-phương án khảo sát địa hình, địa chất giai đoạn lập thiết kế BVTC- DT;</li> </ul>
2	Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng:
3	<p>Kết quả thẩm tra, thẩm định thiết kế; quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, kèm theo: hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt (có danh mục bản vẽ kèm theo); chỉ dẫn kỹ thuật; danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 2327/QĐ-ĐĐ ngày 26/04/2015 của Chi cục trưởng Chi cục Đề điều và PCLB Thanh Hóa về việc Phê duyệt thiết kế BVTC-Dự toán công trình;</li> </ul>

4	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư xác nhận (có hồ sơ kèm theo).
5	Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình
6	Các văn bản, tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến giai đoạn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.
<b>III.</b>	<b>HỒ SƠ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH</b>
1	<p>Danh mục các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình và các văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 14/02/2015 Của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án đê, kè bờ tả sông Yên thuộc địa phận 3 xã Quảng Trung, Quảng Chính, Quảng Thạch huyện Quảng Xương;</li> <li>- Công văn số 5275/UBND-NN ngày 26/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chủ trương điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình;</li> <li>- Các Quyết định của Chi cục trưởng Chi cục Đê điều và PCLB phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: số 522/QĐ-ĐĐ ngày 15/9/2016; số 229/QĐ-ĐĐ ngày 15/5/2017.</li> <li>- Công văn số 6493/UBND-NN ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc dừng thực hiện gói thầu số 7 và quyết toán hoàn thành dự án đê, kè bờ tả sông Yên thuộc địa phận 3 xã Quảng Trung, Quảng Chính, Quảng Thạch huyện Quảng Xương</li> </ul>
2	<p>Bản vẽ hoàn công :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- có danh mục bản vẽ kèm theo</li> </ul>
3	<p>Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình.</p> <p>Không</p>
4	Các chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nhãn mác hàng hóa, tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành; chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa

5	Các kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công và quan trắc trong quá trình vận hành.
6	Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu bộ phận công trình, nghiệm thu giai đoạn (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng.
7	Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).
8	Lý lịch thiết bị lắp đặt trong công trình.
9	Quy trình vận hành, khai thác công trình; quy trình bảo trì công trình. Có hồ sơ kèm theo
10	Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: a) Di dân vùng lòng hồ, khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa; b) An toàn phòng cháy, chữa cháy; c) An toàn môi trường; d) An toàn lao động, an toàn vận hành hệ thống thiết bị công trình, thiết bị công nghệ; đ) Thực hiện Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng); e) Cho phép đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác có liên quan; g) Các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
11	Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có).
12	Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng.
13	Phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có) sau khi đưa công trình vào sử dụng.
14	Các hồ sơ/ văn bản/ tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng. Có hồ sơ kèm theo
15	Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và khi nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng.